TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁP MƯỜI** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:49/2023/HNGĐ-ST
Ngày 05-6-2023
V/v tranh chấp xin ly hôn và quyền nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Vững

Ông Nguyễn Thanh Minh Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

Ngày 05 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023, về việc: "Tranh chấp ly hôn và quyền nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 19 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm: 1986.(0358021876)

Địa chỉ: Ấp 5, xã Đ, huyện T, Đồng Tháp

- Bị đơn: Đoàn Thanh N, sinh năm: 1989.(0339393876)

Địa chỉ: Ấp 5, xã Đ, huyện T, Đồng Tháp.

(Chị L và anh N có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Chị Nguyễn Thị Trúc L trình bày*: Anh N và chị cưới nhau và được Ủy ban nhân dân xã Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/5/2011. Năm năm đầu, vợ chồng chung sống cũng hạnh phúc. Nhưng khoảng thời gian sau, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau, thường xuyên dẫn đến bất hòa, làm cho không khí trong gia đình lúc nào cũng căng thẳng do tình cảm vợ chồng không còn. Đã nhiều lần vợ chồng ngồi lại nói chuyện với nhau để tìm cách hàn gắn nhưng không được, hiện anh chị vẫn sống chung nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai, sự việc đã diễn ra được 05 tháng nay. Nay chị L yêu cầu ly hôn với anh Đoàn Thanh N;

- Về quan hệ nuôi con : Có hai con chung tên Đoàn Quỳnh H, sinh ngày 06/12/2014 và Đoàn Quỳnh A, sinh ngày 24/8/2011. Sau khi ly hôn, nguyện vọng các con ở với ai thì người đó nuôi, không yêu cầu người còn lại cấp dưỡng. Riêng chị L cũng làm nghề dịch vụ nấu ăn lương mỗi tháng từ 8.000.000đ (Tám triệu đồng) trở lên nên cũng không cần anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên Tòa, Chị L giữ nguyên các yêu cầu về hôn nhân, tài sản chung và nợ chung. Riêng về quan hệ nuôi con, chị L yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu anh Đoàn Thanh N cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đoàn Thanh N trình bày: Chị L và anh cưới nhau năm 2010, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường cự cải về kinh tế gia đình. Bên cạnh đó, do anh làm phục vụ dịch vụ nấu ăn thường hay nhậu nhẹt nên chị L không cảm thông và thường lời qua tiếng lại. Nay chị L yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý ly hôn vì anh còn thương vợ thương con;

- Về quan hệ nuôi con: Thống nhất với lời trình bày của chị L, giữa anh và chị L có 02 con chung tên Đoàn Quỳnh H, sinh ngày 06/12/2014 và Đoàn Quỳnh A, sinh ngày 24/8/2011. Sau khi ly hôn, anh N yêu cầu nuôi hai con chung, anh làm nghề phục vụ dịch vụ ăn uống mỗi tháng được 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) và anh cũng có thêm nguồn thu từ việc trồng mít mỗi tháng được 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) đủ lo cho hai con nên không yêu cầu chị L cấp dưỡng.

- Về quan hệ tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu được ly hôn với bị đơn và yêu cầu được quyền nuôi con chung, ngoài ra nguyên đơn và bị đơn cũng không có yêu cầu nào khác nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Đoàn Thanh N có địa chỉ tại ấp 5, xã Đ, huyện Tháp Mười nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh N tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới, thời gian đầu cả hai có cuộc sống hạnh phúc. Lẽ ra, hai bên phải biết yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, giữ gìn hạnh phúc gia đình, nhưng trái lại chị L, anh N không tôn trọng tình cảm đã có, thường xuyên để mâu thuẫn xảy ra dẫn đến cãi vã, làm cho không khí trong gia đình lúc nào cũng căng thẳng. Hơn nữa quá trình mâu thuẫn kéo dài nhưng chị L, anh N không có giải pháp tích cực để hạn chế mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm, điều đó chứng minh đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được;

Anh Đoàn Thanh N không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ thương con, Hội đồng xét xử xét thấy anh N cho rằng anh vẫn còn thương vợ thương con, tuy nhiên anh không đưa ra được biện pháp nào tích cực để hàn gắn gia đình hoặc thiện chí nào trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng mà anh chỉ có những động thái trách cứ và hờn giận. Điều này cho thấy thực tế anh N đã không thẳng thắng nhìn nhận vấn đề trong hôn nhân và có biện pháp, cũng như động thái tích cực để hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị L. Điều này thể hiện tinh thần thiếu trách nhiệm của anh đối với hôn nhân của mình, anh không có thiện chí trong việc giải quyết mâu thuẫn gia đình và hàn gắn tình cảm vợ chồng nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét;

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị L về việc xin ly hôn với anh Đoàn Thanh N là có căn cứ chấp nhận.

[3] Quan hệ nuôi con: Chị L và anh N thừa nhận có 02 con chung tên Đoàn Quỳnh H, sinh ngày 06/12/2014 và Đoàn Quỳnh A, sinh ngày 24/8/2011. Hiện Quỳnh H và Quỳnh A đang sống với anh chị. Hội đồng xét xử xét thấy về mặt kinh tế thì cả anh N và chị L điều có thu nhập kinh tế ổn định, tuy nhiên việc hai bé Quỳnh H và Quỳnh A đều là bé gái nên xét về điều kiện phát triển tâm sinh lý lâu dài thì việc chị L chăm sóc sẽ thuận tiện và ổn định hơn. Bên cạnh đó, việc bé Quỳnh H và Quỳnh A cũng có văn bản thể hiện nguyên vọng được sống với mẹ sau khi ba mẹ ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L về việc được nuôi con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng là có căn cứ chấp nhận.

[4] Quan hệ tài sản: Chị L và anh N thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị L và anh N thống nhất không có nợ ai và cũng không cho ai mượn nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Trúc L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0017229 ngày 03/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Chị Trúc Linh đã nộp đủ án phí;

Anh Đoàn Thanh N không phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Trúc L, anh Đoàn Thanh N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 59, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Trúc L. Cho chị Nguyễn Thị Trúc L ly hôn với anh Đoàn Thanh N.

- Quan hệ nuôi con: Chị Nguyễn Thị Trúc L được quyền nuôi dưỡng con chung tên Đoàn Quỳnh H, sinh ngày 06/12/2014 và Đoàn Quỳnh A, sinh ngày 24/8/2011. Chị L không yêu cầu anh Đoàn Thanh N cấp dưỡng nuôi con;

Chị Nguyễn Thị Trúc L, anh Đoàn Thanh N có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không bên nào được quyền ngăn cấm. Anh Đoàn Thanh N được quyền thăm con mà không ai cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

- Quan hệ tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Trúc L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0017229 ngày 03/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Chị Trúc Linh đã nộp đủ án phí;

Anh Đoàn Thanh N không phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Trúc L, anh Đoàn Thanh N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND, VKSND Tỉnh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

-VKSND Huyện;
-Chi cục THADS Huyện;
-Cơ quan đã thực hiện đăng ký kết hôn (53 ngày 17/5/2011);
-Đương sự;
-Lưu: VT, hồ sơ vụ án, (D).

Nguyễn Thị Ngọc Diệu